

**1125 Series** Tải nặng vừa**LOẠI TẢI NẶNG VỪA**

中荷重系列

○ Càng bánh được sản xuất bằng công nghệ dập, mẫu mã đẹp, chắc chắn và bền, tải trọng lớn, thích hợp sử dụng cho những nơi yêu cầu bánh xe đẩy ưa nhìn và tải nặng.

● 支架一體成型，流線美觀，堅固耐用，荷重高，適用於講究美觀、又強調荷重的環境。

Tải trọng 載重
140-400 kg



» Đặc điểm 特色區



Khóa sau
(Chỉ dành cho 8")
後剎(只有8")



Khóa bên
(Dành cho 4", 5", 6")
側剎(只有4", 5", 6")



Nắp chống bụi
cho bánh xe
輪子可防塵蓋

» Vật liệu bánh xe 輪子選項

Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPU



Bánh QPU
QPU輪



Bánh PU lõi gang
鐵芯聚氨酯



Bánh cao su NBR lõi gang
鐵芯NBR橡膠輪



Bánh Nylon
尼龍輪



Bánh W Resolute
W 全效輪



Bánh CPD
CPD輪



Bánh cao su lõi gang
三星輪



Bánh cao su đàn hồi lõi nhựa
高彈力橡膠輪



Bánh WMRC
WMRC輪



Ổ bi
滾珠軸承

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1	105 x 115mm (4-1/8" x 4-1/2")	70 x 85 mm (2-5/8"~3"x3"~3-5/8")	9.5mm (3/8")



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
100mm x 32mm (4" x 1-1/4")	200 kgs (440 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1125-04-07-1	1125-04-07-2	1125-04-07-4	Ổ bi 滾珠	136.5mm (5-3/8")	Xoay 87mm Khóa 99.5mm
	150 kgs (330 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1125-04-49-1	1125-04-49-2	1125-04-49-4			活動 87mm 煞車 99.5mm
100mm x 34mm (4" x 1-1/3")	200 kgs (440 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1125-04-33-1	1125-04-33-2	1125-04-33-4	Ổ bi 滾珠	136.5mm (5-3/8")	Xoay 87mm Khóa 99.5mm
	300 kgs (660 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1125-04-80-1	1125-04-80-2	1125-04-80-4			活動 87mm 煞車 99.5mm
	150 kgs (330 lbs)	Bánh cao su đàn hồi lõi nhựa 高彈力橡膠輪	1125-04-10-1	1125-04-10-2	1125-04-10-4			
100mm x 36mm (4" x 1-7/16")	325 kgs (715 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPƯ(圓弧)	1125-04-87-1	1125-04-87-2	1125-04-87-4	Ổ bi 滾珠	136.5mm (5-3/8")	Xoay 87mm Khóa 99.5mm 活動 87mm 煞車 99.5mm
100mm x 38mm (4" x 1-1/2")	150 kgs (330 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1125-04-03-1	1125-04-03-2	1125-04-03-4	Ổ bi 滾珠	136.5mm (5-3/8")	Xoay 87mm Khóa 99.5mm
	140 kgs (308 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1125-04-64-1	1125-04-64-2	1125-04-64-4			活動 87mm 煞車 99.5mm
	150 kgs (330 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1125-04-04-1	1125-04-04-2	1125-04-04-4			
100mm x 40mm (4" x 1-9/16")	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPƯ(圓弧)	1125-04(40)-87-1	1125-04(40)-87-2	1125-04(40)-87-4	Ổ bi 滾珠	136.5mm (5-3/8")	Xoay 87mm Khóa 99.5mm 活動 87mm 煞車 99.5mm
125mm x 38mm (5" x 1-1/2")	170 kgs (375 lbs)	Bánh cao su đàn hồi lõi nhựa 高彈力橡膠輪	1125-05-10-1	1125-05-10-2	1125-05-10-4	Ổ bi 滾珠	136.5mm (6-7/16")	Xoay 101.5mm Khóa 101.5mm
	250 kgs (550 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1125-05-64-1	1125-05-64-2	1125-05-64-4			活動 101.5mm 煞車 101.5mm
125mm x 40mm (5" x 1-9/16")	250 kgs (550 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1125-05-07-1	1125-05-07-2	1125-05-07-4	Ổ bi 滾珠	163mm (6-7/16")	Xoay 101.5mm Khóa 101.5mm
	200 kgs (440 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1125-05-49-1	1125-05-49-2	1125-05-49-4			活動 101.5mm 煞車 101.5mm
	250 kgs (550 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1125-05-33-1	1125-05-33-2	1125-05-33-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1125-05-80-1	1125-05-80-2	1125-05-80-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1125-05-04-1	1125-05-04-2	1125-05-04-4			
	350 kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPƯ(圓弧)	1125-05-87-1	1125-05-87-2	1125-05-87-4			
	200 kgs (440 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1125-05-03-1	1125-05-03-2	1125-05-03-4			
150mm x 38mm (6" x 1-1/2")	190 kgs (415 lbs)	Bánh cao su đàn hồi lõi nhựa 高彈力橡膠輪	1125-06-10-1	1125-06-10-2	1125-06-10-4	Ổ bi 滾珠	187mm (7-3/8")	Xoay 113mm Khóa 113mm
	180 kgs (396 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1125-06-64-1	1125-06-64-2	1125-06-64-4			活動 113mm 煞車 113mm



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 × 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車			
150mm x 40mm (6" x 1-9/16")	350 kgs (770 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1125-06-07-1	1125-06-07-2	1125-06-07-4	Ổ bi 滾珠	187mm (7-3/8")	Xoay 113mm Khóa 113mm 活動 113mm 煞車 113mm
	350 kgs (770 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1125-06-45-1	1125-06-45-2	1125-06-45-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1125-06-49-1	1125-06-49-2	1125-06-49-4			
150mm x 42mm (6" x 1-11/16")	350 kgs (770 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1125-06-33-1	1125-06-33-2	1125-06-33-4	Ổ bi 滾珠	187mm (7-3/8")	Xoay 113mm Khóa 113mm 活動 113mm 煞車 113mm
	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1125-06-80-1	1125-06-80-2	1125-06-80-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPƯ(圓弧)	1125-06-87-1	1125-06-87-2	1125-06-87-4			
	250 kgs (550 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1125-06-04-1	1125-06-04-2	1125-06-04-4			
150mm x 45mm (6" x 1-3/4")	220 kgs (485 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1125-06-03-1	1125-06-03-2	1125-06-03-4	Ổ bi 滾珠	187mm (7-3/8")	Xoay 113mm Khóa 113mm 活動 113mm 煞車 113mm
200mm x 44mm (8" x 1-3/4")	300 kgs (660 lbs)	Bánh cao su NBR lõi gang 鐵芯NBR橡膠輪	1125-08-04-1	1125-08-04-2	1125-08-04-4	Ổ bi 滾珠	240mm (9-7/16")	Xoay 140.5mm Khóa 140.5mm 活動 140.5mm 煞車 140.5mm
200mm x 48mm (8" x 1-7/8")	260 kgs (570 lbs)	Bánh cao su lõi gang 三星輪	1125-08-03-1	1125-08-03-2	1125-08-03-4	Ổ bi 滾珠	240mm (9-7/16")	Xoay 140.5mm Khóa 140.5mm 活動 140.5mm 煞車 140.5mm
	300 kgs (660 lbs)	Bánh cao su đàn hồi lõi nhựa 高彈力橡膠輪	1125-08-10-1	1125-08-10-2	1125-08-10-4			
200mm x 50mm (8" x 2")	400 kgs (880 lbs)	Bánh PU lõi gang 鐵芯聚氨酯	1125-08-33-1	1125-08-33-2	1125-08-33-4	Ổ bi 滾珠	240mm (9-7/16")	Xoay 140.5mm Khóa 140.5mm 活動 140.5mm 煞車 140.5mm
	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU QPU輪	1125-08-80-1	1125-08-80-2	1125-08-80-4			
	306 kgs (675 lbs)	Bánh W Resolute W 全效輪	1125-08-64-1	1125-08-64-2	1125-08-64-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh Nylon 尼龍輪	1125-08-07-1	1125-08-07-2	1125-08-07-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh WMRC WMRC輪	1125-08-45-1	1125-08-45-2	1125-08-45-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPƯ(圓弧)	1125-08-87-1	1125-08-87-2	1125-08-87-4			
	400 kgs (880 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (phẳng) 鋁芯AQPƯ(平面)	1125-08-87-1	1125-08-87-2	1125-08-87-4			
	300 kgs (660 lbs)	Bánh CPD CPD輪	1125-08-49-1	1125-08-49-2	1125-08-49-4			